FLYERS ENGLISH

Từ vựng Pre-A1 Starters: Màu sắc

12 từ chủ đề màu sắc mới ở cấp độ Cambridge Pre-A1 Starters. Mỗi từ có nghĩa dễ hiểu và một câu ví dụ.

Cách dùng danh sách này

1. Mỗi ngày học một chủ đề. Mười đến mười lăm phút là đủ.
2. Cùng con đọc to từ, nghĩa và câu ví dụ.
3. Đánh dấu vào ô khi con nói được từ và đặt được câu với từ đó.

Màu sắc · Pre-A1 Starters 12 từ

TỪ	NGHĨA (TIẾNG ANH)	CÂU VÍ DỤ
☐ **black** *adjective*	It is a dark color.	*My cat is black and white.*
☐ **blue** *adjective*	It is a color of sky.	*My favorite shirt is blue.*
☐ **brown** *adjective*	It is a dark color.	*My teddy bear is brown.*
☐ **Color** *noun, verb*	It is what we see.	*My favorite color is blue.*
☐ **gray** *adjective*	It is a color like ash.	*My cat is gray and white.*
☐ **green** *adjective*	It is a color.	*The grass is green.*
☐ **orange** *adjective, noun*	It is a round, citrus fruit.	*I eat an orange after lunch.*
☐ **pink** *adjective*	It is a light red color.	*My favorite shirt is pink.*
☐ **purple** *adjective*	It is a color between blue and red.	*My favorite grape is purple.*
☐ **red** *adjective*	It is a color.	*My apple is red.*
☐ **white** *adjective*	It is a light color.	*I have a white t-shirt.*
☐ **yellow** *adjective*	It is a bright color.	*The sun is yellow today.*

Nghe phát âm và chơi với các từ này

Danh sách này có hình, âm thanh và trò chơi miễn phí trên FlyersEnglish. Mở trang bên dưới trên điện thoại, máy tính bảng hoặc máy tính.

flyersenglish.com/vi/wordlist/starters/colours

Bám sát danh sách từ vựng chính thức của Cambridge English Young Learners. Nghĩa và câu ví dụ do FlyersEnglish biên soạn. FlyersEnglish không liên kết với Cambridge và không được Cambridge bảo trợ.